



NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH TRONG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH TRONG THỜI GIAN TỚI

MAJOR CHANGES IN LABOR AND EMPLOYMENT IN THE MEKONG DELTA AND POLICY RECOMMENDATIONS FOR THE COMING PERIOD

Trần Văn Tài^{1*}, Trần Hải Hà²

¹Đại học Cần Thơ

²Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

*Email: taim5226006@gstudent.ctu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.02-e.947>

Ngày nhận bài: 04/04/2026

Ngày phản biện: 23/04/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

TÓM TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang chịu những tác động từ biến đổi khí hậu. Trong đó, lao động và việc làm là hai lĩnh vực cho thấy sự chuyển đổi mạnh mẽ nhất. Lao động và việc làm của vùng đã chuyển đổi để thích ứng với những thay đổi đột ngột của môi trường, trong đó nhiều nông hộ chuyển đổi từ lao động nông nghiệp thuần túy sang các lĩnh vực phi nông nghiệp, một bộ phận khác lại chuyển đổi sang các công việc làm công hưởng lương trong vùng, phần còn lại quyết định di cư đến những địa phương khác để tiếp tục phát triển sinh kế. Do đó, bức tranh về lao động và việc làm tại vùng đã có những thay đổi quan trọng, sự thay đổi này đã có những tác động nhất định đến quá trình phát triển bền vững của vùng. Vì vậy, bài viết này tập trung làm rõ những thay đổi trong lao động và việc làm tại vùng ĐBSCL và đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, đồng bằng sông Cửu Long, lao động, việc làm.

ABSTRACT

The Mekong Delta is increasingly affected by climate change, with labor and employment emerging as two of the most dynamically transforming sectors. The region's labor structure and employment patterns have undergone significant adjustments to adapt to abrupt environmental changes. In particular, many rural households have shifted from purely agricultural labor to non-agricultural activities; another segment has transitioned into wage-based employment within the region; while the remaining portion has chosen to migrate to other localities in search of sustainable livelihoods. As a result, the overall landscape of labor and employment in the Mekong Delta has experienced substantial changes. These transformations have, in turn, exerted notable impacts on the region's sustainable development process. Accordingly, this paper aims to clarify the key changes in labor and employment in the Mekong Delta and to propose several policy recommendations for the coming period.

Keywords: Climate change, The Mekong Delta, labor, employment.

MỞ ĐẦU

ĐBSCL là trung tâm nông nghiệp của cả nước. Những lợi thế về khí hậu và thổ nhưỡng tự nhiên đã tạo điều kiện cải thiện sinh kế, phát triển lao động và việc làm gắn với sản xuất nông nghiệp, đóng góp quan trọng vào kết quả giảm nghèo của toàn vùng trong nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, nông nghiệp cũng là lĩnh vực dễ chịu tác động của các yếu tố biến đổi khí hậu (Thuần, Ngọc, & An, 2019), những cú sốc từ môi trường như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn hay đại dịch COVID-19 và những thay đổi bất ngờ trong chính sách của các quốc gia đã tác

động trực tiếp đến khả năng sản xuất và sinh kế của người dân, trực tiếp là hai yếu tố lao động và việc làm.

Kết quả giảm nghèo của vùng ĐBSCL đã bị đảo ngược khi chịu liên tiếp những cú sốc từ môi trường như đợt hạn hán kéo dài năm 2016, năm 2019 và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Từ năm 2018 đến năm 2022, tỷ lệ nghèo ở ĐBSCL tăng mạnh gần 10 điểm phần trăm, mức tăng mạnh nhất so với các khu vực khác ở Việt Nam (Ngân hàng thế giới, 2025). Trong bối cảnh đó, một bộ phận không nhỏ nông dân vốn gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp

đã chuyển sang các lĩnh vực phi nông nghiệp, tỷ lệ hộ gia đình làm nông nghiệp đã giảm từ 66% xuống 54% trong giai đoạn 2018-2022 (Ngân hàng thế giới, 2025).

Trước những khó khăn của ngành nông nghiệp, sự chuyển dịch và đa dạng hóa nguồn thu nhập bằng các công việc phi nông nghiệp được người dân hướng đến, một bộ phận có xu hướng di cư đến vùng khác để chuyển đổi công việc từ nông nghiệp sang làm công hưởng lương (Yến, 2025). Tuy nhiên, việc thiếu kỹ năng chuyên môn, chưa được đào tạo bài bản, thị trường lao động phi nông nghiệp còn hạn chế, thu nhập chưa cao, thu hút vốn FDI thấp đã cản bước tiến thu nhập của những nông dân chuyển đổi sang các lĩnh vực phi nông nghiệp và di cư. (Ngân hàng thế giới, 2025)

Do đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ những tác động của các yếu tố trên, xu hướng thay đổi của hai lĩnh vực lao động và việc làm, và đặc biệt là những rào cản hiện nay người dân đang gặp phải trong quá trình chuyển đổi lao động và việc làm, từ đó kịp thời đề xuất những chính sách đưa khu vực này phát triển bền vững.

Bài viết sử dụng phương pháp so sánh nhằm đánh giá, xem xét sự thay đổi của các yếu tố môi trường, thu nhập và sự chuyển đổi lao động và việc làm của người dân ĐBSCL ở thời điểm hiện tại so với trước đây nhằm xác định mức độ tác động của các yếu tố đến quá trình chuyển dịch lao động và việc làm.

Nghiên cứu sử dụng tài liệu thứ cấp: Phương pháp trên được sử dụng nhằm đánh giá, kế thừa và liên kết những kết quả nghiên cứu từ các công trình nghiên cứu trước, qua đó đánh giá toàn diện thực trạng chủ đề nghiên cứu.

Ngoài ra bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic. Đây là một trong những phương pháp quan trọng trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Phương pháp lịch sử - logic được tác giả sử dụng để đánh giá lại toàn bộ sự thay đổi theo thời gian của các yếu tố khí hậu, môi trường, thu nhập, sinh kế và những chuyển đổi theo thời gian của người dân, dữ liệu thu thập là nền tảng quan trọng nhằm giải thích, phân tích những hệ quả của sự chuyển dịch lao động, việc làm tại địa phương.

1. Những thay đổi chính trong lao động và việc làm tại ĐBSCL hiện nay

Một là, từ tác động liên tiếp của những cú sốc môi trường đến sự chuyển dịch lao động và đa dạng hóa việc làm của người dân tại ĐBSCL.

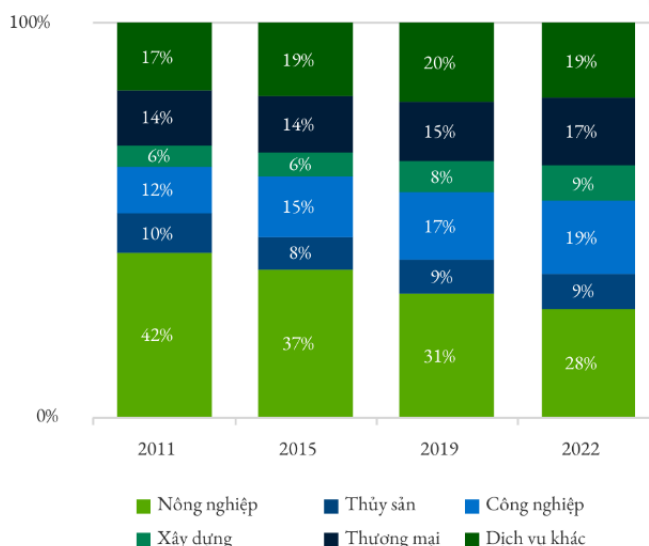
Những cú sốc liên tiếp từ môi trường đã làm thay đổi truyền thống nông nghiệp tại vùng ĐBSCL. Từ những đợt hạn hán kéo dài trong các năm 2016, 2019, đã tác động mạnh mẽ đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp của vùng. Một kết quả nghiên cứu cho thấy hiện tượng hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng do tác động của hiện tượng thời tiết El Nino đã ảnh hưởng nặng nề đến vụ Đông Xuân khi năng suất lúa giảm đến 65% (Espagne, 2021). Cùng với đó, năm 2016 chứng kiến hiện tượng xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến 22% diện tích lúa của khu vực này, tương đương 12% sản lượng lúa cả nước và 8% GDP nông nghiệp quốc gia, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của hàng triệu nông dân trồng lúa. (Viện Phát triển Bền vững (Đại học Kinh tế Quốc dân) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2024)

Với đặc thù nông nghiệp là nguồn thu nhập chính và truyền thống của hàng triệu hộ dân tại vùng ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu vào năm 2010 cho thấy, 41% thu nhập của người dân đến từ các hoạt động nông nghiệp trong khi các hoạt động mang lại thu nhập từ phi nông nghiệp chỉ chiếm trung bình 20% (Ngân hàng thế giới, 2025), thu nhập từ nông nghiệp chỉ xếp sau vùng Đông Nam bộ. Nông nghiệp đã giúp người dân cải thiện đáng kể điều kiện sống khi nông dân canh tác nông nghiệp vùng ĐBSCL chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nhóm nghèo nhất so với các vùng khác. Do đó, trước những tác động liên tiếp của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp đã làm đảo ngược thành quả giảm nghèo mong manh có được trong một thời gian dài của các tỉnh vùng ĐBSCL. Trong năm 2022, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo chi tiêu dưới 6,85 USD/người/ngày, tính theo ngang giá sức mua 2017 của vùng ĐBSCL đã tăng gần 03 phần trăm so với năm 2020, đạt 27,8% (mức tăng cao nhất cả nước) và cao hơn trung bình cả nước (19,7%) (Ngân hàng thế giới, 2025).

Chính những khó khăn từ biến đổi khí hậu, những cú sốc từ môi trường, cùng với áp lực sinh kế và đảm bảo đời sống gia đình buộc nhiều người tại ĐBSCL phải chuyển đổi sinh kế, đa dạng hóa các nguồn thu nhập từ các

nguồn thu nhập phi truyền thống bên cạnh nguồn thu nhập từ nông nghiệp. Theo kết quả điều tra lao động việc làm, tỷ lệ lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp đã giảm từ 42% xuống còn 28%. Trong khi đó,

vào năm 2011, chỉ hơn một phần ba số lao động ở ĐBSCL có việc làm hưởng lương nhưng đến năm 2019, con số đó đã lên tới 53% (Tổng cục thống kê, 2023)



(Nguồn: Tổng cục thống kê (2023))

Sự chuyển dịch lao động và việc làm dường như mang tính thế hệ và có xu hướng diễn ra mạnh mẽ hơn đối với thế hệ trẻ. Hơn 70% người lao động trong độ tuổi 15–24 bước vào thị trường lao động với các công việc làm công hưởng lương (Ngân hàng thế giới, 2025). Chỉ chưa đến 2,5% thanh niên được khảo sát (trong độ tuổi 15 đến 25) tại ĐBSCL cho biết họ mong muốn làm việc trong lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp. Ngược lại, gần 40% mong muốn làm việc trong các ngành dịch vụ hoặc bán hàng và khoảng một phần tư hướng đến các công việc đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao. (Ngân hàng thế giới, 2025)

Điều này cho thấy xu hướng hiện nay, người dân, đặc biệt là thanh niên đang rời bỏ ngành nông nghiệp truyền thống, vốn sử dụng nhiều sức lao động, hiệu quả kinh tế mang lại không cao để chuyển dịch lâu dài sang các lĩnh vực phi nông nghiệp như tham gia lĩnh vực sản xuất và dịch vụ chuyên môn cao, kinh doanh tự do, thợ thủ công, bán hàng, xây dựng tự do hay di cư đến các thành phố lớn khác để làm việc tại các khu công nghiệp, dịch vụ thay vì ở lại ĐBSCL. (Tuyết, 2022)

Tuy nhiên, việc chuyển dịch lao động sang các lĩnh vực phi nông nghiệp trong khi vốn nhân lực (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề

nghiệp), vốn tài chính và vốn xã hội (mối quan hệ kinh doanh và cộng đồng) của người dân còn thiếu. Do đó, người dân không thể làm việc trong các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn cao nhưng được trả lương xứng đáng, mà chỉ có thể làm việc đơn giản, cần trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp không cao, đổi lại mức lương thực hưởng của người dân thấp.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, dù đã chuyển đổi sang các lĩnh vực phi nông nghiệp, nhưng hạn chế về trình độ chuyên môn và những yếu tố khác đã cản trở quá trình cải thiện đời sống của người dân. Thu nhập trung bình từ việc làm và thu nhập trung bình từ tiền lương trong hai lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ của người dân ĐBSCL gần như thấp nhất cả nước trong nhiều giai đoạn.

Hai là, tính đa dạng của thị trường lao động phi nông nghiệp dù đã cải thiện nhưng chưa thể bắt kịp nhu cầu lao động và việc làm của người dân.

Trước những tác động của môi trường và nhu cầu cải thiện sinh kế ngày càng cao. Thị trường lao động tại ĐBSCL đã có xu hướng chuyển dịch, nếu trước đây phần lớn người dân làm việc trong các khâu sản xuất của lĩnh vực nông nghiệp thì hiện nay đã có sự thay đổi khi

số lượng việc làm trong các lĩnh vực phi nông nghiệp có xu hướng tăng lên (Thuận, 2019).

Đây cũng là yếu tố thúc đẩy sự phát triển của thị trường lao động tại ĐBSCL. Theo dữ liệu điều tra lao động việc làm từ năm 2011 đến năm 2022, tỷ lệ lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp đã giảm từ 42% xuống còn 28%. Nếu trước đây người lao động tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp thì nay đã có xu hướng chuyển dịch sang làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp, dịch vụ, làm các công việc mang tính phi nông nghiệp. Năm 2011, chỉ hơn 30% số lao động ở ĐBSCL có việc làm hưởng lương; đến năm 2019, con số đó đã lên tới 53% và duy trì ở mức 52% vào năm 2024. (Ngân hàng thế giới, 2025)

Tuy nhiên, tốc độ phát triển của thị trường lao động phi nông nghiệp dường như chưa thể thay đổi kịp thời nắm bắt lợi thế nguồn lao động địa phương sẵn có. Điều này được thể thông qua một số điểm sau:

Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của vùng vẫn còn cao. Kết quả điều tra lao động việc làm năm 2023 của Tổng cục thống kê đã cho thấy, ĐBSCL là vùng có tỷ lệ thiếu việc làm cao nhất với 2,88% (Tổng cục thống kê, 2023). Trong khi đó tỉ lệ thiếu việc làm trung bình của cả nước chỉ là 2,28%. Ngoài ra, tỉ lệ thất nghiệp tại Vùng ĐBSCL cũng cao thứ 2 cả nước với 2,82%, chỉ xếp sau Đông Nam bộ. Một điểm đáng chú ý là tỉ lệ thanh niên thất nghiệp tại ĐBSCL chiếm tới 40,5% tổng số người thất nghiệp của vùng.

Cùng với đó, tỉ lệ thanh niên mong muốn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm 2,5%. Điều này cho thấy ĐBSCL hiện đang có nhu cầu việc làm rất lớn trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại nhưng thực tế thị trường lao động không thể đáp ứng được, điều này dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng.

Những hạn chế trong thu hút vốn FDI và phát triển của doanh nghiệp nội vùng. Trong năm 2023, toàn vùng chỉ thu hút được 3% so với tổng số vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, thấp hơn rất nhiều so với các vùng khác trong cả nước (Ngân hàng thế giới, 2025), trong đó, phần lớn nguồn vốn FDI đầu tư vào các lĩnh vực thâm dụng lao động. Ngoài ra, mặc dù tổng

mức đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước tại ĐBSCL đã tăng trung bình 5%/năm trong giai đoạn 2014-2023, từ 50 nghìn tỷ đồng lên 80 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên vẫn xếp sau Trung du & Miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ & Duyên hải miền Trung (VCCI&Fulbright, 2024). Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở ĐBSCL chiếm 7,4% cả nước - hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và tập trung vào các hoạt động có giá trị thấp, không thể tham gia sâu vào chuỗi giá trị mà chủ yếu tham gia chế biến nông sản thô, giá trị mang lại không cao. Do đó không thể mở rộng quy mô sản xuất và tạo thêm việc làm cho người dân nội vùng.

Ngoài ra, ĐBSCL cũng là vùng có ít khu công nghiệp hơn so với các vùng khác, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tại ĐBSCL tương đối ít nếu so sánh với các vùng khác, trong các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là 7,2%; 7,3% và 7,4% (Huyền, 2025) do đó khó tạo ra thị trường lao động phong phú và đáp ứng đủ nhu cầu việc làm của người dân trong vùng, điều này thúc đẩy nhu cầu di cư sang các vùng khác tìm kiếm việc làm. Năm 2018, ĐBSCL có 85 khu công nghiệp, khu chế xuất với tổng diện tích 14.787,6 ha, nhưng tỷ lệ lấp đầy bình quân chỉ đạt 20-30%. Một số khu công nghiệp hoàn toàn không có doanh nghiệp nào hoạt động. Trong giai đoạn 2015 - 2018, ĐBSCL chỉ có 400.000 việc làm phi nông nghiệp mới, chiếm chưa đến 10% so với con số 4,2 triệu của cả nước (Ngân hàng thế giới, 2022).

Việc tốc độ phát triển của các lĩnh vực phi nông nghiệp chưa thể bắt kịp xu hướng chuyển đổi việc làm của người dân đang ngày càng rõ rệt khi số lượng và chất lượng việc làm từ các lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ, thương nghiệp không thể đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi lao động của người dân, điều này dẫn đến nhu cầu di cư tìm kiếm việc làm. Chính sự lệch pha giữa tính kém đa dạng của thị trường lao động và nhu cầu thực tế của người lao động tạo thành một vòng tuần hoàn khi người lao động không có việc làm dẫn đến việc di cư, việc di cư làm cho thiếu hụt lao động, không thể thu hút được FDI đầu tư vào vùng, và không thể phát triển các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, và khi không có hai yếu tố này sẽ dẫn đến không có việc làm và tất yếu sẽ quay lại

điểm xuất phát là người dân lại càng không có việc làm.

Ba là, những hạn chế về vốn nhân lực làm cản trở cơ hội chuyển dịch lao động và việc làm tại ĐBSCL

Một trong những vấn đề được phân tích nhiều khi nhắc đến chất lượng nguồn nhân lực tại các tỉnh ĐBSCL là độ chênh về mặt trình độ so với mặt bằng chung của cả nước. Kết quả thống kê của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp (2020) cho thấy tỷ lệ lao động đáp ứng nhu cầu việc làm tay nghề của vùng ĐBSCL còn thấp chỉ đạt 21%. Theo báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2023. Ti trọng lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật của vùng chiếm tỉ trọng thấp nhất so với các vùng khác của cả nước với 15,3% và thấp hơn mức trung bình của cả nước là 27,2% (Tổng cục thống kê, 2023). Cùng với đó, nếu cả nước có 27,1% lao

động đã được đào tạo, trong đó lao động có trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ trọng cao nhất là 12,6%, nhóm trung cấp và cao đẳng chiếm 8,3%; nhóm sơ cấp chiếm 6,3%. Thi tất cả những chỉ số này của ĐBSCL đều thấp hơn mức trung bình của cả nước với lần lượt 15,3% lao động đã qua đào tạo, 3,2% sơ cấp, 2,2% trung cấp, 2,0% cao đẳng và 7,8% có trình độ đại học.

Kết quả nghiên cứu của Ngân hàng thế giới (2025) cho thấy, một trẻ em sinh ra ở ĐBSCL có thể sẽ có thời gian học tập ít hơn gần 1,4 năm so với trẻ ở Đồng bằng sông Hồng và ít hơn 0,8 năm so với trẻ sinh ra ở vùng Đông Nam Bộ. Cùng với đó, ĐBSCL gần như là vùng có tỉ lệ học sinh nhập học trung học phổ thông thấp nhất trong cả nước trong nhiều năm liên tục.

Bảng 8: Tỷ lệ nhập học trung học phổ thông theo vùng

	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tây Nguyên	55,7	56,1	58,4	56,4	58,3	65,0	66,3	68,4
Đồng bằng sông Cửu Long	54,2	59,9	61,2	55,3	61,5	66,2	66,0	68,4
Trung du và Miền núi phía Bắc	62,6	65,9	67,3	65,1	69,9	71,5	73,9	75,4
Khu vực Bắc Bộ và Duyên hải miền Trung	72,6	75,5	77,8	73,8	78,6	81,0	83,6	83,6
Đồng bằng sông hồng	86,1	87,6	89,0	83,7	89,7	91,4	92,8	94,1
Đông Nam Bộ	70,9	71,8	73,7	64,2	72,8	73,4	78,4	81,1
Toàn quốc	68,9	71,5	73,3	68,3	74,0	76,8	78,9	80,7

(Nguồn: Ngân hàng thế giới (2025))

Tuy nhiên, một vấn đề quan trọng hơn được chỉ ra rằng, mặc dù giáo dục tại các địa phương ở ĐBSCL đã được cải thiện nhưng nhu cầu về việc làm đòi hỏi trình độ cao vẫn thấp, tốc độ phát triển của những việc làm đòi hỏi trình độ cao không theo kịp tốc độ nâng cao trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực tại vùng. Năm 2010, chỉ 4,9% lao động có việc làm ở ĐBSCL đạt trình độ giáo dục đại học và việc làm đòi hỏi trình độ kỹ năng cao chỉ chiếm 7,4% tổng số việc làm. Tuy nhiên đến năm 2020, tỷ lệ lao động đạt trình độ đại học gần như tăng gấp đôi lên 8,7%, trong khi cơ cấu việc làm hầu như không thay đổi với số việc làm đòi hỏi kỹ năng cao chỉ tăng nhẹ lên 9,2%.

Điều này cho thấy mặc dù nguồn nhân lực đã không ngừng phát triển về trình độ chuyên

môn nhưng những hạn chế về đầu tư và phát triển đã không thể tận dụng và phát huy được nguồn nhân lực chất lượng cao tại chỗ. Một lượng lớn nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao buộc phải làm những công việc đòi hỏi yêu cầu chuyên môn thấp hơn năng lực hoặc bắt buộc di cư đến các địa phương khác để tìm kiếm cơ hội việc làm.

Cùng với đó, quá trình chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại của người dân cũng bị cản trở phần nào trước những hạn chế về trình độ tay nghề, chuyên môn kỹ thuật, thiếu khả năng tiếp cận vốn tài chính, buộc họ phải làm những công việc đơn giản, không đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, từ đó hạn chế khả năng gia tăng thu nhập sau khi chuyển đổi việc

làm. Một kết quả nghiên cứu của Ngân hàng thế giới (2025) cho thấy trong số các chủ hộ, hơn 25% vẫn dựa vào nông nghiệp và gần 20% làm các công việc lao động phổ thông. Chỉ khoảng 5% đảm nhiệm các vị trí quản lý hoặc nghề nghiệp chuyên môn, trong khi 18% làm các công việc bán kỹ năng và ổn định. Tất cả điều này cho thấy những hạn chế trong trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, vốn xã hội và tài chính đã phần nào cản trở quá trình chuyển dịch lao động và việc làm tại ĐBSCL.

2. Những đề xuất trong thời gian tới

Trước những tác động ngày càng lớn của môi trường, khí hậu đến điều kiện tự nhiên của vùng. Việc sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên đã không còn phù hợp. Cùng với đó, những điểm nghẽn về chất lượng nguồn nhân lực đang là nút thắt làm cho vùng ĐBSCL khó bức phá phát triển. Do đó, trong bối cảnh mới, để thúc đẩy thị trường lao động và việc làm tại vùng phát triển cần quan tâm thực hiện một số đề xuất sau:

Một là, phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ và nâng cao chuỗi giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp.

Trong đó, cần quan tâm tái cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp, xác định việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tất cả các khâu của quá trình sản xuất là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của toàn ngành nông nghiệp. Trong bối cảnh nguồn nhân lực làm nông nghiệp ngày càng suy giảm cần nghiên cứu ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào nhằm giảm công lao động đơn giản, vừa đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho lĩnh vực nông nghiệp.

Cùng với đó, trước bối cảnh biến đổi khí hậu cần nghiên cứu đưa vào thử nghiệm và sử dụng chính thức các biện pháp sản xuất nông nghiệp hướng tới phát thải thấp, chủ động trong sản xuất, ít phụ thuộc vào điều kiện khí hậu tự nhiên. Đặc biệt là hướng đến sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, vừa nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp nhưng cũng bảo toàn hệ giá trị môi trường, sinh thái lâu dài.

Quan tâm hỗ trợ nông hộ tiếp cận và chuyển giao các công nghệ sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương. Nghiên cứu các

chính sách tài chính, tiếp cận vốn ưu đãi cho người nông dân trong quá trình đầu tư sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu và có biện pháp sử dụng đất hiệu quả, tận dụng lợi thế của từng loại đất tại địa phương, chuyển đổi cây trồng đối với những vùng đất không còn phù hợp với cây trồng truyền thống.

Cùng với đó, tập trung nguồn lực để đầu tư vào các hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như hệ thống đê, cống ngăn mặn nhằm quản lý và giảm thiểu các tác động từ biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, nước dâng bất thường...

Hai là, tập trung phát triển “vốn con người” đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng

Vốn con người được coi là một trong những điểm quan trọng mà các địa phương vùng ĐBSCL cần tập trung tháo gỡ. Các kết quả nghiên cứu đã khẳng định mức đầu tư cho giáo dục tại vùng ĐBSCL vẫn thấp hơn đáng kể so với các địa phương khác, điển hình như tỉ lệ nhập học mầm non của trẻ nhỏ hay tiếp tục học trung học phổ thông của vùng vẫn còn thấp.

Cùng với đó, những đóng góp của giáo dục trong cải thiện sinh kế cho người dân vẫn chưa đáng kể, những công việc phi nông nghiệp và làm công hưởng lương chưa mang lại thu nhập cao vì người dân thiếu kỹ năng và trình độ chuyên môn. Dù người dân chuyển đổi sinh kế từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp hay di cư đến các vùng khác làm công hưởng lương thì giáo dục vẫn là nền tảng để người lao động cải thiện thu nhập và phát triển. Do đó, trong thời gian tới cần tập trung đầu tư cho giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

Cần quan tâm tiếp tục phổ cập hóa giáo dục phổ thông, trong đó cần tập trung cải thiện các chính sách đảm bảo quá trình học tập của lực lượng thanh niên được diễn ra liên tục. Tập trung cải thiện điều kiện cơ sở vật chất như trường học, các trang thiết bị dạy và học, nghiên cứu hỗ trợ phương tiện di chuyển đối với các vùng còn đặc biệt khó khăn như vùng dễ ngập nước, dễ bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, khó tiếp cận với giáo dục. Tiếp tục nghiên cứu và cải thiện chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong các trường đào tạo nghề gắn với đào tạo và trang bị kỹ năng đối với các ngành

nghe dịch vụ, công nghiệp, để người dân có thể sử dụng ngay trong quá trình làm việc. Cùng với đó, nghiên cứu phối hợp tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho những nông hộ chuyển đổi từ nông nghiệp sang các việc làm phi nông nghiệp hay làm công hưởng lương.

Ba là, tập trung thu hút vốn, phát triển công nghiệp và hoàn thiện hạ tầng logistics

Thu hút vốn và phát triển công lao động, việc làm và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao ở lại vùng ĐBSCL. Một trong những điểm yếu của vùng ĐBSCL so với các địa phương khác là khó thu hút vốn đầu tư trực tiếp FDI và các nguồn vốn trong nước vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Một phần lý do xuất phát từ hạ tầng logistics của vùng còn nhiều hạn chế khi hệ thống cao tốc đường bộ chưa hoàn thiện, hệ thống giao thông đường thủy mang tính rời rạc, chưa thể kết nối để hình thành chuỗi logistics hoàn chỉnh và hiệu quả, giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào. Do đó, cần quan tâm hoàn thiện đầu tư hệ thống logistics đồng bộ, đảm bảo có thể kết nối liên vùng với các địa phương ở các vùng khác.

Phát triển công nghiệp tại địa phương muốn phát triển cũng cần quan tâm đến nguồn nhân lực tại chỗ. Như đã phân tích, hai yếu tố nguồn nhân lực và phát triển công nghiệp song hành và gắn liền với nhau, công nghiệp phát triển là cơ sở để người dân ở lại địa phương làm việc và phát triển sinh kế và địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao, tại chỗ là cơ sở để doanh nghiệp quyết định đầu tư tại vùng. Do đó, trên phương diện này cần quan tâm thu hút và phát triển các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện về mặt pháp lý trong tiếp cận mặt bằng sản xuất, thủ tục hành chính để doanh nghiệp dễ đầu tư vào địa phương.

KẾT LUẬN

Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nhiều thay đổi trên các lĩnh vực do những tác động của biến đổi khí hậu. Nhìn chung, xu hướng chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông nghiệp đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, người lao động đang chọn cho mình nhiều hướng đi như đa dạng hóa các nguồn thu nhập, chuyển sang làm công hưởng lương hay di cư đến các địa phương khác để làm việc trong các khu công nghiệp, những hạn

chế về tay nghề, vốn nhân lực và tài chính đã phần nào ngăn cản việc cải thiện thu nhập và thoát nghèo của người dân trong vùng. Do đó, trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo nguồn lao động tại vùng được phát huy và khai thác hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- An, P. S., Ngọc, H. H., & Thuận, N. Q. (2019). Giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (11), 3–16.
- Espagne, E. (Biên tập). (2021). *Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Tác động và thích ứng* [Báo cáo đánh giá tại COP26 của dự án GEMMES Việt Nam]. Cơ quan Phát triển Pháp.
- Huyền, H. T. (2025). Doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long và vai trò trong phát triển kinh tế nông nghiệp. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*.
- Ngân hàng Thế giới. (2022). *Sử dụng đất nông nghiệp và sinh kế bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long: Các kịch bản và đề xuất chính sách*. Nxb Hồng Đức.
- Ngân hàng Thế giới. (2025). *Ở lại hay di cư: Cuộc sống vùng ĐBSCL ở Việt Nam*. World Bank Group.
- Thống kê, T. C. (2023). *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2023*. Nxb Thống kê.
- Thuận, P. (2019). Biến đổi cơ cấu xã hội - nghề nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8), 81–87.
- Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp. (2020). *Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn"*. Ban Chỉ đạo Đề án 1956, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Tuyết, T. T. (2022). Tác động của biến đổi khí hậu và khả năng thích ứng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học xã hội*, (5), 63–75.
- VCCI & trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright. (2024). *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2024: Huy động đầu tư cho phát triển bền vững*. Nxb Đại học Cần Thơ.
- Viện Phát triển Bền vững & Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. (2024). *Di cư nội địa ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long: Vấn đề hiện nay và hàm ý chính sách*.
- Yến, N. T. (2025). Di cư ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 98–103.